

**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Phần mở đầu	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015. ... Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình cầu phà thành phố Hồ Chí Minh nhất trí thông qua hợp lệ tại cuộc họp chính thức ngày 24 tháng 4 năm 2019.	Căn cứ Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. .. Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh nhất trí thông qua hợp lệ tại cuộc họp chính thức ngày ... tháng ... năm 2021.	<i>Thay đổi Luật tham chiếu là Luật doanh nghiệp mới.</i>
Điều 1. Giải thích từ ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: d. “ Luật doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số <u>68/2014/QH13</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: d. “Luật doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số <u>59/2020/QH14</u> đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 112 Luật doanh nghiệp số số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (LDN 2020).</i>

e. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán <u>ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010</u> ;	e. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán <u>số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019</u> ;	<i>Sửa đổi phù hợp ngày ban hành Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (LCK 2019); điểm d khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“TT 116/2020/TT-BTC”).</i>
f. “Vốn điều lệ” là tổng <u>giá trị</u> mệnh giá cổ phần đã bán hoặc <u>đã</u> được đăng ký mua khi thành lập <u>doanh nghiệp</u> .	f. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần <u>các loại</u> đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập <u>Công ty</u> .	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 112 LDN2020.</i>
h. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc <u>và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty</u> ;		<i>Khoản 24 Điều 4 LDN 2020 đã không còn ghi nhận nội dung "có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty" mà chỉ ghi nhận "cá nhân giữ</i>

			<i>chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty" => DN có thể giữ nguyên như dự thảo hoặc sửa lại theo hướng liệt kê chi tiết các chức danh quản lý.</i>
i. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định tại <u>khoản 17, Điều 4</u> của Luật doanh nghiệp; <u>khoản 34 Điều 6</u> Luật chứng khoán;	i. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định tại <u>khoản 23, Điều 4</u> của Luật doanh nghiệp; <u>khoản 46 Điều 4</u> Luật chứng khoán;		<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020 và LCK 2019.</i>
j. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác <u>theo quyết định của</u> Hội đồng quản trị.	j. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác <u>được</u> Hội đồng quản trị <u>bổ nhiệm làm người điều hành.</u>		
m. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu <u>trực tiếp hoặc gián tiếp</u> từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.	m. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.		<i>Sửa đổi phù hợp khoản 18 Điều 4 LCK 2019.</i>
Chưa có.	<u>n. Địa chỉ liên lạc là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh</u>		<i>Bổ sung phù hợp khoản 13 Điều 4 LDN 2020.</i>

		<u>nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.</u>	
Chưa có.		<u>o. Giấy tờ pháp lý của cá nhân là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 16 Điều 4 LDN 2020.</i>
Chưa có.		<u>p. Giấy tờ pháp lý của tổ chức là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 17 Điều 4 LDN 2020.</i>
Chưa có.		<u>q. Bản sao là giấy tờ được sao từ sổ gốc hoặc được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc đã được đối chiếu với bản chính.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 4 LDN 2020.</i>
Chưa có.		<u>r. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 22 Điều 4 LDN 2020.</i>
Chưa có.		<u>s. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần,</u>	<i>Điểm b khoản 1 Điều 1 Điều lệ</i>

		<u>theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u>	<i>mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>t. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty;</u>	<i>Điểm o khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>u. “Đại hội trực tuyến” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.</u>	<i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
	Chưa có.	<u>v. “Đại hội truyền thống” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại Điểm u Khoản.</u>	<i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
	2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.	2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, <u>bổ sung</u> hoặc văn bản thay thế.	<i>Khoản 2 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

Chương II	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	<i>Bổ sung để phù hợp với nội dung điều chỉnh của chương.</i>
Điều 2.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, <u>địa điểm kinh doanh</u> và thời hạn hoạt động của Công ty; <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>	<i>Bổ sung tiêu đề phù hợp nội dung điều chỉnh, Mục II Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Tổng Giám đốc không kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chưa có.	4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty. a) Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Tổng Giám đốc không kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. b) Trong trường hợp Tổng Giám đốc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở	<i>Bổ sung phù hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 24 LDN 2020.</i>

		giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi Hội đồng quản trị có quyết định khác. <u>c) Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:</u> - <u>Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;</u> - <u>Đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;</u> - <u>Ký kết các hợp đồng, văn bản, báo cáo, chứng từ của Công ty với tư cách là người đại diện theo pháp luật.</u> - <u>Thuê mướn, tuyển dụng, điều động, ký kết</u>	
--	--	--	--

		<u>hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động.</u> - <u>Ký thỏa ước lao động tập thể, ban hành các quy chế khác theo thẩm quyền.</u> - Ủy quyền cho người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty, nhưng Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền này. Đồng thời những người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Pháp luật về các công việc được ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền và không được ủy quyền lại cho người khác. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền. Trường hợp Tổng Giám đốc xuất cảnh khỏi Việt Nam thì việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp. - Quản lý con dấu theo quy chế của công ty. - <u>Các quyền khác theo quy định pháp luật, quy định nội bộ Công ty.</u>	
--	--	---	--

	5. Công ty có thể thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện <u>tại địa bàn kinh doanh</u> để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	5. Công ty có thể thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 45 LDN 2020.</i>
	6. Thời hạn hoạt động của công ty là vô thời hạn, kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại <u>Điều 64</u> Điều lệ này.	6. Thời hạn hoạt động của công ty là vô thời hạn, kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty có thể chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại <u>Điều 66</u> Điều lệ này.	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
Điều 4: Phạm vi hoạt động và kinh doanh	1. Công ty được phép <u>lập kế hoạch và tiến hành tất cả các</u> hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và <u>Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</u> 2. Công ty có thể tiến hành những hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty và phù hợp với định hướng phát triển	Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo <u>các ngành nghề của Công ty quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</u>	<i>Điều 5 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	<u>Công ty đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.</u>		
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của <u>cổ phần</u> phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của <u>cổ đông sở hữu cổ phần</u> phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.	<i>Sửa đổi phù hợp chủ thể của quyền và nghĩa vụ.</i>
	7. ... Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng <u>theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u>	7. ... Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho <u>cổ đông và các đối tượng khác với điều kiện không</u> thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp <u>Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 124 LDN 2020, Khoản 5 Điều 6 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.</u>	8. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp, <u>pháp luật khác có liên quan.</u>	<i>Theo quy định tại khoản 5 Điều 36 LCK 2019, khoản 2 Điều 134 LDN 2020, công ty đại chúng sau khi mua lại cổ phần phải thực hiện giảm vốn điều lệ, không còn cổ phiếu quỹ như hiện nay.</i>

			<i>Bổ sung phù hợp Khoản 6 Điều 6 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.	9. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được <u>Hội đồng quản trị</u> , Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ này</u> và phù hợp với quy định của pháp luật.	<i>Bổ sung đầy đủ về thẩm quyền thông qua việc chào bán chứng khoán (HDQT được quyền quyết định chào bán các loại trái phiếu – không bao gồm trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền – điểm b khoản 1 Điều 130 LDN 2020).</i>
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	2. Chứng nhận cổ phiếu phải có <u>đấu của Công ty</u> và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi phù hợp điểm d khoản 1 Điều 121 LDN 2020</i>
	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy	<i>Khoản 3 Điều 7 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp miễn phí chứng nhận cổ phiếu.	định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (<u>hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định</u>), người sở hữu số cổ phần được cấp miễn phí chứng nhận cổ phiếu.	
	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <u>bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy</u> , người sở hữu cổ phiếu đó có thể <u>yêu cầu</u> được cấp chứng nhận cổ phiếu mới <u>với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho công ty</u> . Người sở hữu cổ phiếu chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. <u>Trường hợp cổ phiếu bị mất thì người sở hữu cổ phiếu phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy.</u>	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <u>bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác</u> , người sở hữu cổ phiếu đó có thể <u>đề nghị</u> được cấp chứng nhận cổ phiếu mới. <u>Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u> <u>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u> <u>b. Cam kết</u> chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 121 LDN 2020, Khoản 4 Điều 7 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (<u>trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tam thời và các tài liệu tương tự</u>) được phát hành có <u>đấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.</u>	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của <u>người</u> đại diện theo pháp luật <u>và dấu</u> của Công ty.	<i>Sửa đổi để thuận tiện thực tế thực hiện.</i>

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	3. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần đều có thể thực hiện thông qua chuyển nhượng <u>được thực hiện</u> bằng văn bản. ... Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu <u>có ghi tên</u> thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.	Hủy bỏ.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 127 LDN 2020.</i>
Điều 9	Điều 9. Thu hồi cổ phần	Điều 9. Thu hồi cổ phần (<u>đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp</u>)	<i>Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <u>cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</u>	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả <u>để</u> mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và <u>chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</u>	<i>Bổ sung nhằm làm rõ ý diễn đạt, Khoản 1 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	3. Trường hợp các yêu cầu thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.	3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi <u>các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu thông báo nêu trên không được thực hiện.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối <u>hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác</u> theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty, được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	<i>Bổ sung điều khoản tham chiếu phù hợp Điều 112 LDN 2020.</i>
	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <u>thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng theo quy định của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – chi nhánh TP.HCM)</u> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. ...	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <u>phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh</u> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. ...	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 11. Quyền của cổ đông	<u>1. Cổ đông là người chủ sở hữu cổ phần do Công ty phát hành, có quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</u>	Hủy bỏ.	<i>Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

<u>2. Người nắm giữ cổ phần</u> phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và <u>biểu quyết</u> trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc <u>thực hiện bỏ phiếu từ xa</u>. Việc bỏ phiếu từ xa phải đảm bảo được gửi về công ty trước khi Đại hội tiến hành.	<u>1. Cổ đông</u> phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự, <u>phát biểu</u> trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua <u>người</u> đại diện được ủy quyền hoặc <u>hình thức khác</u> do Quy chế quản trị nội bộ, Điều lệ công ty và pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có <u>một phiếu biểu quyết</u>.	<i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 1 Điều 115 LDN 2020, Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
d. <u>Được ưu tiên</u> mua cổ phiếu mới <u>chào bán</u> tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông <u>mà họ sở hữu</u>;	d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ <u>sở hữu</u> cổ phần phổ thông <u>của từng cổ đông trong Công ty</u>;	<i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 1 Điều 115 LDN 2020.</i>
<u>đ. Xem xét, tra cứu và trích lục</u> các thông tin <u>liên quan đến</u> cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông <u>đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	<u>e. Xem xét, tra cứu và trích lục</u> các thông tin <u>về tên và địa chỉ liên lạc của</u> cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; tiếp cận thông tin về <u>tên và địa chỉ liên lạc trong</u> danh sách cổ đông <u>có quyền biểu quyết</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác <u>của mình</u>;	<i>Sửa đổi phù hợp điểm đ khoản 1 Điều 115, Khoản 3 Điều 122 LDN 2020.</i>
<u>e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp</u> Điều lệ công ty, <u>sổ biên bản</u> họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	<u>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp</u> Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng	<i>Sửa đổi phù hợp thực tế.</i> <i>(không sửa nội dung này nếu DN đang áp dụng “sổ biên</i>

		cổ đông;	<i>bản”).</i>
	g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty <u>sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm các nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho cổ đông nắm giữ các cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</u>	g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;	<i>Điểm g khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần <u>của họ</u> trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;	<i>Điểm h khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</u> <u>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</u> <u>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm i, k, l khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

		<u>của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u>	
	Chưa có.	<u>Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</u>	<i>Bổ sung nhằm dự phòng điều chỉnh các cổ phần khác (nếu có) khác cổ phần phổ thông.</i>
	<u>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</u> a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24 và Điều 35 Điều lệ này;	<u>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</u> a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24 và Điều 35 Điều lệ này; <u>Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2, 5 Điều 115 LDN 2020, Điểm a khoản 3 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC => DN có thể ghi nhận nội dung này hoặc không..</i>
	b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính <u>giữa năm</u> và hàng năm <u>theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam</u> và các báo cáo của Ban kiểm soát;	b. Xem xét, <u>tra cứu</u> và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính <u>bán niên</u> và hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát, <u>hợp</u>	<i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 2 Điều 115 LDN 2020.</i>

		<u>đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u>	
	c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau: ... - <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.</u> - Triệu tập theo quy định tại <u>Khoản 6 Điều 15</u> Điều lệ này. ... Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải <u>có họ, tên, địa chỉ thường trú, thẻ căn cước công dân, Giấy chứng</u>	c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau: ... Hủy bỏ. - Triệu tập theo quy định tại <u>Khoản 4 Điều 15</u> Điều lệ này. ... Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải <u>bao</u>	<i>Khoản 3 Điều 115 LDN 2020 đã bỏ trường hợp này.</i> <i>=> DN có thể giữ lại phù hợp với mong muốn của DN nhé.</i> <i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.</i> <i>Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 115 LDN 2020.</i>

	<u>minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; <u>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính</u> đối với cổ đông là tổ chức; <u>số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u> ...	<u>gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; <u>tên, địa chỉ trụ sở chính; mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u> đối với cổ đông là tổ chức; <u>số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u> ...	
	<u>d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>đ. ... Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú; quốc tịch; số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> đối với cổ đông là cá nhân; <u>tên, địa chỉ trụ sở chính; số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp</u> đối với cổ đông là tổ chức; ...	<u>đ. ... Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải bao gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc; quốc tịch; số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; <u>tên, địa chỉ trụ sở chính; mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u> đối với cổ đông là tổ chức; <u>số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số</u>	<i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 2 Điều 115 LDN 2020.</i>

		<u>cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</u>	
	Chưa có.	<u>e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</u>	<i>Điểm d khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</u>	<u>f. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</u>	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Cổ đông có các nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 3, 4 Điều 119 LDN 2020.</i>
		<u>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ</u>	<i>Khoản 2 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

		<u>phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u>	
	<u>3. Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</u>	Hủy bỏ.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>6. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết từ xa (họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử).</u>	<u>4. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện, hình thức khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ, quy chế bầu cử.</u> <u>Trường hợp thực hiện biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, cổ đông công nhận các kết quả đăng ký dự họp, kết quả bỏ phiếu đã thực hiện và có trách nhiệm tuân</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung cơ sở quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>

		<u>thủ các nghĩa vụ liên quan đến việc dự họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan (nếu có).</u>	
	Chưa có.	<u>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 119 LDN 2020.</i>
	Chưa có.	<u>6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty, pháp luật hiện hành.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 119 LDN 2020.</i>
Điều 13	Điều 13. <u>Các đại diện được ủy quyền</u>	Điều 13. <u>Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho đại diện <u>của mình</u> tham dự; và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 <u>Điều 140</u> Luật doanh nghiệp. Trường hợp có	1. Các cổ đông, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp</u> tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật <u>hoặc</u> có thể ủy quyền cho <u>cá nhân, tổ chức</u> đại diện tham dự và biểu	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 144 LDN 2020, khoản 1 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	nhiều hơn một người đại diện <u>được cử</u> thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu <u>bầu</u> được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định tại khoản 1 Điều 144 Luật doanh nghiệp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</u>. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện <u>theo ủy quyền</u> thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu <u>biểu quyết</u> được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	
	2. Việc ủy quyền cho <u>người</u> đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo <u>mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây</u>: a) <u>Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp, đồng thời phải được chứng thực chữ ký theo quy định pháp luật liên quan</u>; b) <u>Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện</u>	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của người ủy quyền nếu người ủy quyền là cá nhân, chữ ký của người đại diện theo pháp luật nếu người ủy quyền là tổ chức và bên được ủy quyền;	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 144 LDN 2020, Khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	<u>theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp, và phải được đóng dấu của các bên đó; c.Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</u> Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. <u>Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u>	
--	---	--	--

	<u>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được xem là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty.</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</u> a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	<u>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</u> a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	Chưa có.	4. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.	Bổ sung quy định về DHĐCD trực tuyến.
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.	2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. <u>Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại quyết định triệu tập Đại hội.</u>	Bổ sung quy định về DHĐCD trực tuyến.
	3. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u>	3. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị <u>quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết</u>	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 139 LDN 2020, Khoản 1 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

	Chưa có.	<u>thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u> <u>Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“NĐ 155/2020/NĐ-CP”).</i>
	4. Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm <u>và dự toán cho năm tài chính tiếp theo</u>. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để giải thích các nội dung liên quan.</u>	4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm <u>được kiểm toán</u>. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm</u>	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp điểm c khoản 2 Điều 41 LCK 2019; khoản 4 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

		<u>của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u>	
5. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau: c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;	5. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau: c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị <u>và từng thành viên Hội đồng quản trị</u> ; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát <u>và Kiểm soát viên</u> ;	<i>Bổ sung phù hợp Điểm c, d khoản 3 Điều 139 LDN 2020.</i>	
6. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các vấn đề sau đây: <u>đ</u> . Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; <u>e</u> . Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; g. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;	6. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua các vấn đề sau đây: <u>e</u> . Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; <u>f</u> . Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; g. Xem xét và xử lý các vi phạm của <u>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</u> gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;	<i>Sửa thứ tự điểm, không thay đổi nội dung.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm h khoản 2 Điều 138 LDN 2020.</i>	

	i. Quyết định ký kết các hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 và <u>khoản 3 điều 162</u> Luật doanh nghiệp. <u>k.</u> Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ... <u>l. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</u> <u>m.</u> Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; <u>n.</u> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Chưa có.	i. Quyết định ký kết các hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 và <u>khoản 3 Điều 167</u> Luật doanh nghiệp. <u>j.</u> Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ... <u>k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</u> <u>l.</u> Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; <u>m.</u> Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát.</u> <u>n. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u> <u>o. Chấp thuận các giao dịch quy định tại</u>	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.</i> <i>Sửa thứ tự điểm, không thay đổi nội dung.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm m khoản 2 Điều 138 LDN 2020.</i> <i>Sửa thứ tự điểm, không thay đổi nội dung.</i> <i>Bổ sung phù hợp điểm g khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp điểm l khoản 2 Điều 138 LDN 2020, Điểm đ, s khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
--	---	---	---

		<u>khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</u> <u>p. Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</u> <u>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u>	
	<u>o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u>		
	<u>7. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</u> <u>a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 6 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</u> <u>b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	<u>hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.</u>		
	Chưa có.	<u>7. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 272 ND 155/2020/ND-CP.</i>
Điều 15. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: b. Số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: b. Số <u>lượng</u> thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số <u>lượng</u> thành viên <u>tối thiểu</u> theo quy định của pháp luật;	<i>Bổ sung phù hợp điểm b khoản 1 Điều 140 LDN 2020.</i>
	c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 3</u> Điều 11 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý	c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2</u> Điều 11 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập <u>họp</u> Đại hội đồng	<i>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 115 LDN 2020; sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự</i>

	do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp và các nội dung theo quy định của Luật doanh nghiệp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	<i>thảo điều lệ.</i>
	d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát <u>nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u> <u>đ) Báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</u> e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; Hủy bỏ. e. Các trường hợp khác theo <u>quy định của pháp luật và Điều lệ này, Quy chế khác của</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Hủy bỏ phù hợp khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung đầy đủ các quy định liên quan.</i>

		<u>Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>	
	2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị <u>phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</u>	2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Kiểm soát viên</u> còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 140 LDN 2020.</i>
	3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải <u>chịu trách nhiệm trước pháp luật và</u> bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 140 LDN 2020.</i>

	4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <u>khoản 3</u> Điều 11 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <u>khoản 2</u> Điều 11 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	Chưa có.	6. <u>Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm d khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 16. Thay đổi các quyền	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <u>nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông</u> tham dự họp thông qua <u>đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</u> Chưa có.	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông <u>đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông</u> tham dự họp thông qua. <u>Nghi quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp Khoản 6 Điều 148 LDN 2020.</i>

	Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày <u>sau đó</u> và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện <u>được</u> ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu	<u>các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u> 2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày <u>tiếp theo</u> và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện <u>theo</u> ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 17 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
--	---	--	---

	quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	
	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và <u>Điều 20</u> Điều lệ này.	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, <u>19 và 20</u> Điều lệ này.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 17 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc Đại hội đồng cổ đông</u> được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</u> theo các trường hợp quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 15 Điều lệ này.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 140 LDN 2020.</i>
	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <u>những nhiệm vụ</u> sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>trong vòng 10</u> ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;	2. Người triệu tập <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <u>các công việc</u> sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá</u> mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 140, khoản 1 Điều 141 LDN 2020, Điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, Tiết a điểm 2.2 khoản 2 Điều 9 Quy chế Thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-VSD ngày 02/01/2020 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.</i>

		<u>hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày liền trước ngày đăng ký cuối cùng.</u> <u>d. Các công việc khác phục vụ đại hội.</u>	
	Chưa có.		
	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi <u>cho tất cả các cổ đông</u> bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất <u>mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, <u>được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư</u>). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ <u>địa chỉ trang thông</u>	3. Thông báo <u>mời họp</u> Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức <u>để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông</u>, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán <u>nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử</u>. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất <u>hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 143 LDN 2020, khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

<u>tin điện tử</u> để các cổ đông có thể tiếp cận. Bao gồm: ... c. Phiếu biểu quyết; <u>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</u>	biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông <u>hoặc</u>/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ <u>đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp</u> để các cổ đông có thể tiếp cận. Bao gồm: ... c. Phiếu biểu quyết; Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Khoản 3 Điều 143 LDN 2020.</i>
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <u>khoản 3</u> Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông,	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <u>khoản 2</u> Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 142 LDN 2020; sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>

số lượng <u>và</u> loại cổ phần <u>người</u> đó nắm giữ, và nội dung <u>đề</u> nghị đưa vào chương trình họp.	cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng <u>từng</u> loại cổ phần <u>cổ</u> đông đó nắm giữ và nội dung <u>kiến</u> nghị đưa vào chương trình họp.	
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>có quyền</u> từ chối <u>những</u> kiến nghị liên quan đến <u>Khoản 4 Điều này</u> trong các trường hợp sau	5. <u>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u>	<i>Bổ sung, sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 142 LDN 2020.</i>
a. Kiến nghị được gửi đến không đúng <u>thời hạn</u> hoặc không đủ, không đúng nội dung;	a. Kiến nghị được gửi đến không đúng <u>quy định tại khoản 4 Điều này</u> ;	
c. Vào thời điểm <u>đề xuất</u> , cổ đông hoặc nhóm cổ đông không <u>có đủ ít nhất 5%</u> cổ phần phổ thông <u>trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> theo quy định tại <u>khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</u> ;	c. Vào thời điểm <u>kiến nghị</u> , cổ đông hoặc nhóm cổ đông không <u>nắm giữ đủ</u> cổ phần phổ thông theo quy định tại <u>khoản 2 Điều 11 Điều lệ này</u> ;	<i>Điều 115 LDN 2020 không còn yêu cầu về thời hạn nắm giữ tối thiểu; sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
Chưa có.	d. <u>Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 3 Điều 142 LDN 2020.</i>

	Chưa có.	<u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp được quyền từ chối quy định tại khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (bao gồm cả dự họp trực tuyến) đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu</u> biểu quyết.	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 145 LDN 2020, khoản 1 Điều 19 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>=> DN có thể giữ nguyên tỷ lệ hiện nay (51%).</i> <i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ <u>số lượng cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng</u>	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ <u>điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này</u> , người triệu tập họp hủy	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 145 LDN 2020.</i> <i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ</i>

	<u>ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	cuộc họp. <u>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (bao gồm cả dự họp trực tuyến) đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	<i>trực tuyến.</i>
	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ <u>số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phần có quyền biểu quyết và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</u>	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ <u>điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</u> 4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp. 5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 145 LDN 2020, khoản 3 Điều 19 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

		ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
Điều 19.	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 146 LDN 2020.</i>
	1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết:	1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết <u>theo trình tự sau:</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, <u>họ và tên đại diện được ủy quyền</u> và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.	a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một <u>phiếu biểu quyết</u> hoặc/và thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.	<i>Sửa đổi phù hợp thực tế thực hiện và thuận tiện hơn cho doanh nghiệp.</i>
	3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng <u>cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không</u> <u>hợp lệ từng vấn đề</u> được Chủ tọa thông báo ngay	b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng <u>biểu quyết tán thành nghị quyết, không tán thành, và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu</u> được Chủ tọa thông báo ngay trước khi bế mạc Đại hội.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 146 LDN 2020.</i>

	trước khi bế mạc Đại hội.		
	4. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của <u>các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muợn tham dự không bị ảnh hưởng.</u>	c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muợn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>ngay sau khi đăng ký.</u> Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muợn đăng ký và hiệu lực của <u>những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	5. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát <u>hoặc trường hợp khác là người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. <u>Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ</u>	2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</u> các cuộc họp <u>Đại hội đồng cổ đông</u> do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên <u>Hội đồng quản trị</u> còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát <u>điều hành</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số	<i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 2 Điều 146 LDN 2020, điểm a khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	<u>toa phải được công bố.</u> ... c. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu <u>hoặc giám sát kiểm phiếu</u> theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.	phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp để lập biên bản Đại hội. d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.	<i>Sửa đổi phù hợp điểm d khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>6.</u> Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để <u>điều khiển</u> cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.	3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 146 LDN 2020.</i>
	<u>7.</u> Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định <u>rõ và chi tiết</u> thời gian	<u>4.</u> Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để <u>điều hành cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông một cách trật tự, <u>đúng</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 146 LDN 2020.</i>

đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	<u>theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</u> <u>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp trong trường hợp họp theo hình thức truyền thống;</u> <u>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</u> <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u>	
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ... đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp mà không cần lấy ý kiến của đại hội trong các trường hợp sau đây: ... c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có	5. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 4 Điều này, ... 6. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều hành cuộc họp	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 8 Điều 146 LDN 2020.</i>

	nguy cơ làm cho cuộc họp không tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Ngoài ra, chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.	Đại hội đồng cổ đông một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp trong trường hợp họp theo hình thức truyền thống; c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	
	<u>9.</u> Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, ...		<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 9 Điều 146 LDN 2020.</i>
	<u>10.</u> Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để <u>điều khiển</u> Đại hội đồng cổ đông		<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 146 LDN 2020, khoản 4 Điều</i>

	một cách <u>hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</u>		20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC. Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.
	11. Người triệu tập <u>hợp</u> Đại hội đồng cổ đông <u>có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh</u> <u>Người triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp.</u> Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng <u>có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</u>	7. Người triệu tập <u>hợp</u> Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc chủ tọa cuộc họp có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự hợp</u> Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh <u>hợp pháp, hợp lý khác.</u> Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên <u>hoặc hành vi khác quy định tại điểm b khoản 7 Điều 146 Luật doanh nghiệp,</u> Người triệu tập hợp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng <u>có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</u>	Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 146 LDN 2020.
	12. Người triệu tập <u>hợp</u> Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Người triệu tập <u>hợp</u> Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp để: a) <u>Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u>	Hủy bỏ.	Đã chuyển lên quy định tại khoản 7 điều này phù hợp khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

<u>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</u> <u>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</u> <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</u>		
<u>13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</u> <u>a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</u> <u>b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</u> <u>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

<u>này.</u>		
Chưa có.	<u>8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 10 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Chưa có.	<u>9. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức truyền thống và trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</u>	<i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
<u>14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</u> Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông	<u>11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến <u>cổ đông</u></u>	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC; Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP.</i>

	ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	bằng văn bản.	
Điều 20.	Điều 20. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. <u>Điều kiện để nghị</u> quyết Đại hội đồng cổ đông <u>được thông qua</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 148 LDN 2020, Điều 21 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>ít nhất</u> 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: ... d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn</u> 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty; <u>đ</u>) Tổ chức lại, giải thể công ty;	2. <u>Trừ trường hợp quy định tại các khoản 4, 5 và 9 Điều này</u>, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>từ</u> 65% <u>trở lên</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: ... d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <u>từ</u> 35% tổng giá trị tài sản <u>trở lên</u> được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty; <u>e</u>. Tổ chức lại, giải thể công ty;	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 148 LDN 2020.</i>
	3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông <u>đại diện</u> cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy	3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông <u>sở hữu trên 50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 148 LDN 2020.</i>

	quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2 và khoản 4 Điều này</u> .	đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ <u>tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2, khoản 4, khoản 5 và khoản 9 Điều này</u> .	
	4. ... Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí <u>quy chế bầu cử</u> hoặc Điều lệ Công ty.	4. ... Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí <u>quy định tại quy chế bầu cử, quy chế quản trị nội bộ</u> hoặc Điều lệ Công ty.	<i>Không thay đổi nội dung, chỉ bổ sung từ ngữ để rõ ý diễn đạt.</i>
	5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông <u>đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành</u> .	5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông <u>sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành</u> .	<i>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 148 LDN 2020.</i>
	7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.	7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm <u>có</u> hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 152 LDN 2020.</i>
	8. Các nghị quyết <u>của</u> Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền	8. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 152 LDN 2020.</i>

	biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó <u>không được thực hiện đúng như quy định</u> .	có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục <u>triều tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ này</u> .	
	9. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điều 147</u> của Luật Doanh nghiệp, thì <u>các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác</u> , trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	9. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điều 151</u> của Luật Doanh nghiệp, thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi <u>quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực</u> , trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 152 LDN 2020.</i>
	Chưa có.	10. <u>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 148 LDN 2020.</i>

		<u>quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u>	
Điều 21.	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 149 LDN 2020.</i>
	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định của</u> Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định của</u> Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>kể cả các vấn đề được quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 149 LDN 2020.</i>
	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>Nghị quyết của</u> Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của <u>các</u> cổ đông có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức <u>để</u> bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của <u>từng</u> cổ đông có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo	<i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 143, khoản 2 Điều 149 LDN 2020.</i>

	trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định của Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.	gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông, <u>yêu cầu và cách thức</u> gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định của Khoản 2, 3 Điều 17 Điều lệ này.	
3. Phiếu lấy ý kiến <u>phải có</u> các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nơi đăng ký kinh doanh của Công ty, mã số doanh nghiệp;</u>	3. Phiếu lấy ý kiến phải <u>bao gồm</u> các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;		<i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 3 Điều 149 LDN 2020.</i>
c. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của</u> cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của</u> cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của</u> đại diện theo ủy quyền	c. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với</u> cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với</u> cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của</u> cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;		<i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 3 Điều 149 LDN 2020.</i>

	của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;		
	<u>đ.</u> Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; <u>e.</u> Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;	<u>e.</u> Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; <u>f.</u> Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;	<i>Không thay đổi nội dung, chỉ thay đổi cách đánh số thứ tự điều khoản để nhất quán về soạn thảo.</i>
	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi phù hợp điểm g khoản 3 Điều 149 LDN 2020.</i>
	4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty <u>theo một trong các hình thức sau đây</u>: <u>a. Gửi thư.</u> Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.	4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty <u>bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định</u> sau đây: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. a. Gửi thư: <u>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu</u>; b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 149 LDN 2020.</i>

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.	gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.	
Chưa có.	<u>4. Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, nội dung và hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</u>	<i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
<u>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</u> ↓ <u>a) Gửi thư.</u> Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức <u>hoặc của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</u> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ	<u>5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</u> <u>a. Gửi thư.</u> Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;	<i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 4 Điều 149 LDN 2020, điểm a khoản 4 Điều 22 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Chưa có. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. c. <u>Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</u> Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, <u>bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác</u> là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	<i>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</i>
	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không <u>phải là người điều hành doanh nghiệp</u>. Biên bản kiểm phiếu <u>phải có</u> các nội dung chủ yếu sau đây:	6. Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, <u>giám sát</u> của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không <u>nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</u>. Biên bản kiểm phiếu phải <u>bao gồm</u> các nội dung chủ yếu sau đây:	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 149 LDN 2020</i>

	... b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua <u>quyết định</u>; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; đ. Các <u>quyết định</u> đã được thông qua; e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	... b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua <u>ngghi quyết</u>; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số <u>phiếu</u> biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; e. Các <u>vấn đề</u> đã được thông qua và <u>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u>; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	
	6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.	7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải trên website của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và việc đăng tải này thay thế cho việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết đến các cổ đông 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm c khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“TT 96/2020/TT-BTC”), khoản 6 Điều 149 LDN 2020.</i>

	đồng, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Chưa có. Chưa có.	đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; i. <u>Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</u> <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</u> <u>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm i khoản 1 Điều 150 LDN 2020.</i> <i>Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 150 LDN 2020.</i>
	3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp <u>hoặc người khác ký tên trong biên bản họp</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều 150 LDN 2020.</i>
	4. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong	4. Biên bản <u>họp</u> Đại hội đồng cổ đông và <u>tài liệu liên quan khác</u> theo quy định pháp luật	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 5 Điều 150 LDN 2020.</i>

	thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	
	5. Các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, <u>sổ chữ ký của các cổ đông dự họp</u> và văn bản ủy quyền tham dự, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.	5. Các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, <u>tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có)</u> , các bản ghi chép, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 150 LDN 2020, khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 23.	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ <u>nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 151 LDN 2020.</i>
	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông mà tồn tại một trong các vấn đề sau: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện</u>	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết</u> hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông mà tồn tại một trong các vấn đề sau: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Luật Doanh	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 151 LDN 2020.</i>

	<u>đúng theo</u> quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 <u>Điều 148</u> của Luật Doanh nghiệp và khoản 8 Điều 20 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, Khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014, Khoản 3 Điều 12 Thông tư 95/2017/TT-BTC, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền:</u> Chưa có.	nh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 20 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền: a) Thông báo và trao đổi với Hội đồng quản trị về các vấn đề trên để Hội đồng quản trị có phương án giải quyết; b) Trường hợp không thống nhất được với Hội đồng quản trị hoặc khi xét thấy cần thiết thì có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. <u>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 24 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều 152 LDN 2020.</i>
--	--	---	--

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	1. Trường hợp đã xác định được <u>trước</u> ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được <u>đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông</u> và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và <u>hợp lý</u> của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm <u>các nội dung tối thiểu</u> sau đây: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. <u>Trình độ học vấn</u>; <u>c.</u> Trình độ chuyên môn; <u>d.</u> Quá trình công tác; <u>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác</u>; <u>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang</u>	1. Trường hợp đã xác định được ứng <u>cử</u> viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị <u>phải</u> được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng <u>cử</u> viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng <u>cử</u> viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, <u>cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty</u> nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Hủy bỏ. <u>b.</u> Trình độ chuyên môn; <u>c.</u> Quá trình công tác; <u>d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của các công ty khác)</u>;	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Khoản 1, 2 Điều 274 NB 155/2020/NĐ-CP, khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
---	--	--	---

	<u>là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</u> <u>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</u> <u>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u> i. Các thông tin khác (nếu có). Chưa có.	Hủy bỏ. <u>e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</u> Hủy bỏ. i. Các thông tin khác <u>theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ hoặc Quy chế bầu cử (nếu có).</u> <u>Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</u>	
	2. Các cổ đông nắm <u>số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng <u>người</u> lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản	2. Các cổ đông nắm <u>giữ cổ phần phổ thông</u> có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng <u>cổ đông</u> lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. ...	<i>Khoản 5 Điều 115 LDN 2020 đã không còn quy định về thời hạn nắm giữ tối thiểu.</i>

	trị. ...		
	3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể <u>đề cử</u> thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm <u>đề cử</u> ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi <u>tiến hành đề cử</u>.	3. Trường hợp số lượng các ứng <u>cử</u> viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể <u>giới thiệu</u> thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, <u>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị</u>. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm <u>giới thiệu thêm</u> ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi <u>Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật</u>.	<i>Khoản 3 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 25. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên của Hội đồng quản trị	3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. <u>Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ</u>, không thuộc đối tượng <u>không được quản lý doanh nghiệp</u> theo quy định tại khoản 2 <u>Điều 18</u> của Luật Doanh nghiệp. b. Có trình độ Đại học trở lên, có kinh nghiệm trong <u>quản lý</u> kinh doanh của Công ty và không	3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 <u>Điều 17</u> của Luật Doanh nghiệp. b. Có trình độ Đại học trở lên, có chuyên	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 155 LDN 2020.</i>

	nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. <u>Từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 trở đi, thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</u> Chưa có.	môn, kinh nghiệm trong <u>quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</u> c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của <u>tối đa năm (05) công ty khác.</u> d. <u>Điều kiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty.</u> e. <u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 275 ND 155/2020/ND-CP.</i> <i>Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 26 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại	

		điều 26 Điều lệ này. 5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	
Điều 26	Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Điều lệ này <u>hoặc bị cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị</u>; b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và những bằng chứng chuyên môn <u>chứng minh</u> người đó không còn năng lực hành vi. <u>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của</u>	Điều 26. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>thay thế</u> và bổ sung thành viên HĐQT 1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Điều lệ này; b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty <u>và được chấp thuận</u>; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần <u>và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ</u> người đó không còn năng lực hành vi. Chuyển xuống quy định tại khoản 5 Điều	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 160 LDN 2020.</i> <i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 160 LDN 2020.</i>

	<u>Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</u> <u>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.</u> g. Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn của pháp nhân là cổ đông của công ty, được cổ đông là pháp nhân này đề cử tham gia ứng cử và trúng cử chức danh thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp có yêu cầu thay đổi người đại diện phần vốn của pháp nhân đó tại công ty hoặc cổ đông là pháp nhân đã chuyển nhượng hết số cổ phần của mình tại công ty. <u>h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</u>	này. Chuyển xuống quy định tại khoản 5 Điều này. Chuyển xuống quy định tại khoản 5 Điều này. <u>d.</u> Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn của pháp nhân là cổ đông của công ty, được cổ đông là pháp nhân này đề cử tham gia ứng cử và trúng cử chức danh thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp có yêu cầu thay đổi người đại diện phần vốn của pháp nhân đó tại công ty hoặc cổ đông là pháp nhân đã chuyển nhượng hết số cổ phần của mình tại công ty.	
--	---	---	--

		e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	
	2. Thành viên Hội đồng quản trị <u>có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u>	2. Thành viên Hội đồng quản trị <u>bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</u> <u>a. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;</u> <u>b. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.</u> <u>c. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 160 LDN 2020.</i>
	Chưa có.	<u>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 160 LDN 2020.</i>
	<u>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội</u>	<u>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm a khoản</i>

	đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp: a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>30 ngày</u>, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;điều2 7	hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp: a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>60 ngày</u>, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;	4 Điều 160 LDN 2020 => DN có thể giữ thời hạn 30 ngày.
	3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	5. Việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa đổi phù hợp điểm k khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những <u>thẩm quyền</u> thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những <u>quyền và nghĩa vụ</u> thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 153 LDN 2020.
	2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:	2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa	Các điểm tại khoản này được

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. <u>Đề xuất các</u> loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Quyết định bán cổ phần <u>mới</u> trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d. Quyết định giá <u>chào</u> bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; <u>đ)</u> Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 <u>Điều 130</u> của Luật Doanh nghiệp; h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>bằng hoặc lớn hơn</u> 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch, tại điểm i khoản 6 Điều 14 của Điều lệ Công ty, khoản 1 và khoản 3 <u>Điều 162</u> của Luật Doanh nghiệp. i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng,	vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. <u>Kiến nghị</u> loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c. Quyết định bán cổ phần <u>chưa bán</u> trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; <u>e.</u> Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 <u>và khoản 2 Điều 133</u> của Luật Doanh nghiệp; h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, <u>giao dịch</u> khác có giá trị <u>từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch, tại điểm c khoản 6 Điều 14 của Điều lệ Công ty, khoản 1 và khoản 3	<i>sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 153 LDN 2020.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 2 Điều 153 LDN 2020.</i>
---	--	--

chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người điều hành doanh nghiệp; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; <u>k.</u> Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; <u>l.</u> Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; <u>m.</u> Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; <u>n.</u> Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị lên Đại hội đồng cổ đông; <u>o.</u> Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức	<u>Điều 167</u> của Luật Doanh nghiệp. i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người điều hành doanh nghiệp đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; <u>j.</u> Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; <u>k.</u> Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; <u>l.</u> Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp	
---	---	--

	cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; p. <u>Đề xuất</u> việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty; q. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; r. Quyết định việc áp dụng quy chế nội bộ về quản trị công ty <u>sau khi được</u> Đại hội đồng cổ đông thông qua; Chưa có (q – w).	Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua <u>ngghi quyết</u>; m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo <u>cáo của Hội đồng quản trị</u> lên Đại hội đồng cổ đông; n. <u>Kiến nghị</u> mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; o. <u>Kiến nghị</u> việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty; Hủy bỏ. p. <u>Xây dựng</u> quy chế nội bộ về quản trị công ty và <u>trình</u> Đại hội đồng cổ đông thông qua; <u>quyết định ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty</u>;	
--	--	--	--

		<u>q. Chiu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty.</u> <u>r. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.</u> <u>s. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty</u> <u>t. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;</u> <u>u. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;</u> <u>v. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;</u>	<i>Hủy bỏ phù hợp khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC không còn ghi nhận nội dung này.</i> <i>Bổ sung phù hợp điểm q khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>Bổ sung phù hợp Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8 Điều 278 NĐ 155/2020/NĐ-CP.</i>
--	--	--	---

	s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của <u>Luật Doanh nghiệp</u>.	w. <u>Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;</u> x. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của <u>pháp luật và Điều lệ Công ty.</u>	
	3. Những vấn đề phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a) <u>Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</u> b) <u>Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 01 tỉ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</u> c) <u>Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</u> d) <u>Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC không còn ghi nhận nội dung này.</i>

	<u>Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</u>		
	<u>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc công ty và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị xem là không có giá trị và chưa được được Hội đồng quản trị thông qua.</u>	<u>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>5. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</u>	Hủy bỏ.	<i>Đã quy định tại Điều 28 dự thảo Điều lệ này.</i>
	<u>6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Phó Tổng Giám</u>	<u>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng,</u>	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>

	đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.	Phó Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.	
	7. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. ...	5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. ...	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
Điều 28	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, tiền lương, <u>thưởng</u> và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 163 LDN 2020, khoản 2 Điều 28 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng theo quy chế của công ty. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. <u>Khoản thù</u>	1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao, <u>thưởng</u> cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng theo quy chế của công ty. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. <u>Hội đồng quản trị dự</u>	

	<u>lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được;</u>	<u>tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</u>	
	2. <u>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;</u>	2. Thù lao của <u>từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 28 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác <u>mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, ...</u>	3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, ...	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 28 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</u>	Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 28 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

		<u>Bảo hiêm này không bao gồm bảo hiêm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</u>	
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty <u>trừ khi việc kiêm nhiệm này được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>	1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 156 LDN 2020.</i>
	<u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.</u>	Hủy bỏ.	<i>Đã nêu tại khoản 2 Điều này dự thảo Điều lệ.</i>
	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, <u>chủ trì</u> và <u>làm</u> chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các	<i>Sửa đổi phù hợp điểm b, c, d, đ, e khoản 3 Điều 156 LDN 2020.</i>

	d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, <u>cuộc họp Hội đồng quản trị</u>; e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị; e. <u>Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u>; f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp <u>và Điều lệ Công ty</u>.	
	<u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp khoản 3 Điều 29 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên <u>tam thời</u> giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</u>	<u>3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì <u>phải</u> ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền <u>hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tam giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện</u></u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 156 LDN 2020.</i>

		<u>pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</u> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số <u>thành viên còn lại tán thành</u> cho đến khi có quyết định mới của <u>Hội đồng quản trị</u>.	
	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị <u>bãi miễn</u> theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bãi nhiệm, miễn nhiệm.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị <u>bãi nhiệm, miễn nhiệm</u> theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày <u>nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm</u>.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 156 LDN 2020, khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 30. Các cuộc họp của	1. <u>Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn</u>	1. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 157 LDN 2020, khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu TT</i>

Hội đồng quản trị	bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất <u>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì</u> . Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu <u>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau</u> thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	116/2020/TT-BTC.
	<u>2. Các cuộc họp thường kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</u>	<u>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>3. Các cuộc họp bất thường, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn thuộc thẩm quyền của Hội</u>	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn <u>và quyết định</u> thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

đồng quản trị: ... c. <u>Có đề nghị của Ban kiểm soát.</u> Chưa có. <u>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.</u>	... c. Ban kiểm soát. d. <u>Trường hợp khác quy định tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty.</u> Hủy bỏ.	
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được <u>tiến hành</u> trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không <u>chấp nhận</u> triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; <u>những</u> người đề nghị tổ chức cuộc họp <u>được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này</u> có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được <u>triệu tập</u> trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch <u>Hội đồng quản trị</u> phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp có quyền thay thế <u>Chủ tịch</u> Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 157 LDN 2020, khoản 5 Điều 157 LDN 2020, khoản 3 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
5. <u>Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

<u>tình hình Công ty.</u>		
<u>6. ...</u> Thông báo mời họp được gửi bằng <u>bưu điện</u>, fax, <u>thư điện tử</u> hoặc <u>phương tiện</u> khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	<u>5. ...</u> Thông báo mời họp <u>Hội đồng quản trị có thể</u> được gửi bằng <u>giấy mời</u>, <u>điện thoại</u>, fax, <u>phương tiện</u> điện tử hoặc <u>phương thức</u> khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và <u>các Kiểm soát viên</u> được đăng ký tại Công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 157 LDN 2020.</i>
<u>8.</u> Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở <u>Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</u>	<u>7.</u> Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác.	<i>Người triệu tập họp HĐQT có thể là HĐQT hoặc đối tượng khác tùy theo các trường hợp quy định tại Điều lệ này và quy định của Luật doanh nghiệp. Do đó, DAS bỏ nội dung này.</i>
<u>9.</u> Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi <u>ít nhất có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế trở lên dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u>	<u>8.</u> Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế trở lên dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. ...	<i>Bỏ từ ngữ dư.</i>
<u>10.</u> ... Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc	<u>9.</u> ... Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 10</i>

	họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất <u>là</u> một (01) giờ trước khi khai mạc. ...	cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì <u>dán</u> kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất <u>là</u> một (01) giờ trước khi khai mạc. ...	<i>Điều 157 LDN 2020.</i>
	<u>11.</u> Biểu quyết: a. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, c. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến <u>mức độ</u> lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển đến chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa <u>liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác</u> sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;	<u>10.</u> Biểu quyết: a. Trừ quy định tại điểm b Khoản này, c. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết <u>của</u> một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển đến chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;	<i>Sửa đổi diễn đạt từ ngữ rõ ràng, chính xác hơn.</i> <i>(Khoản này Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>đã bỏ. Tuy nhiên, xét thấy việc giữ lại sẽ thuận tiện cho doanh nghiệp có căn cứ thực hiện => DN xem xét giữ hoặc bỏ nhé).</i>

<u>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</u> <u>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</u> <u>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</u> <u>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng</u>	<u>11. Giữ nguyên</u>	<i>Khoản này Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i> <i>đã bỏ. Tuy nhiên, xét thấy việc giữ lại sẽ thuận tiện cho doanh nghiệp có căn cứ thực hiện => DN xem xét giữ hoặc bỏ nhé.</i>
---	------------------------------	--

	<u>quản trị tham dự cuộc họp này.</u>		
	<u>13.</u> Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.	<u>12.</u> Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này; <u>đồng thời có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</i>
	<u>15.</u> Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	<u>14.</u> Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp <u>và biểu quyết</u> nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 11 Điều 157 LDN 2020.</i>
Điều 31.	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 33 Điều</i>

Tổ chức bộ máy của Công ty	máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>trực thuộc sự lãnh đạo</u> của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc <u>điều hành</u> , các Phó Tổng Giám đốc <u>điều hành</u> và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <u>thực hiện</u> bằng nghị quyết Hội đồng quản trị <u>được thông qua một cách hợp pháp</u> .	bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>chịu sự giám sát, chỉ đạo</u> của Hội đồng quản trị <u>trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty</u> . Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh <u>quản lý</u> khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <u>thông qua</u> bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	<i>lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp	1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành cần thiết với số lượng và <u>chất lượng</u> phù hợp với cơ cấu và <u>thông lệ</u> quản lý công ty do Hội đồng quản trị <u>đề xuất tùy từng thời điểm</u> . Người điều hành doanh nghiệp phải <u>thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra</u> .	1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành cần thiết với số lượng và <u>tiêu chuẩn</u> phù hợp với cơ cấu và <u>quy chế</u> quản lý công ty do Hội đồng quản trị <u>quy định</u> . Người điều hành doanh nghiệp phải <u>có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức</u> .	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không <u>sử dụng</u> thông tin, bí quyết, cơ hội kinh	2. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không <u>lam dụng địa vị, chức vụ và sử</u>	<i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 1 Điều 165 LDN 2020.</i>

	doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.	dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.	
	Chưa có.	4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	1. ... Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.	1. ... Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên, tiền lương được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty.	Sửa đổi phù hợp Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành không quá (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. ...	2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động và các quy định của pháp luật về lao động. Hội đồng quản trị quyết định việc kéo dài thời gian thực hiện nhiệm vụ của Tổng Giám	Sửa đổi chức danh phù hợp thực tế doanh nghiệp.

		độc trong trường hợp cần thiết.	
	3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc được quy định tại <u>Điều 65</u> Luật doanh nghiệp.	3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc được quy định tại <u>Điều 162</u> Luật doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.</i>
	4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không <u>cần phải có nghị quyết</u> của Hội đồng quản trị; ... <u>đ</u>. Quyết định tiền lương và <u>quyền lợi</u> khác đối với người lao động trong công ty kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; <u>e</u>. Tuyển dụng lao động; ... <u>i</u>. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để	4. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Thực hiện các nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không <u>thuộc thẩm quyền</u> của Hội đồng quản trị; ... <u>e</u>. Quyết định tiền lương và <u>lợi ích</u> khác đối với người lao động trong công ty kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; <u>f</u>. Tuyển dụng lao động;	<i>Sửa đổi phù hợp điểm b, e, i khoản 3 Điều 162 LDN 2020.</i>

	định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.	i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.	
--	---	---	--

Điều 34. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc		1. Công ty có quyền trả tiền lương, thưởng cho Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây: Tổng Giám đốc được trả tiền lương và tiền thưởng theo quy chế của công ty. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. 3. Tiền lương của Giám đốc và người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên	
Điều 35. Người phụ trách quản trị	1. Hội đồng quản trị <u>chỉ định</u> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty <u>được tiến hành một cách có hiệu quả</u>. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định,	1. Hội đồng quản trị <u>phải bổ nhiệm</u> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ <u>công tác</u> quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối	<i>Các nội dung tại điều này được sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 281 ND 155/2020/ND-CP.</i>

Công ty	tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 <u>Điều 152</u> Luật doanh nghiệp.	đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 <u>Điều 156</u> Luật doanh nghiệp.	
	2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho <u>công ty</u> kiểm toán <u>độc lập</u> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.	2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho <u>tổ chức</u> kiểm toán <u>được chấp thuận</u> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, <u>Quy chế quản trị nội bộ của Công ty</u> và quyết định của Hội đồng quản trị.	
	3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.	3. Hội đồng quản trị có thể <u>miễn nhiệm</u> , bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.	

	4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: ... Chưa có. i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, và Điều lệ Công ty (nếu có).	4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: ... i. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; j. Các quyền và nghĩa vụ khác Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty (nếu có).	<i>Bổ sung phù hợp điểm h khoản 3 Điều 32 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 24 Điều lệ này và quy định sau đây: Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông <u>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng <u>người</u> lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS.	1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 24 Điều lệ này và quy định sau đây: Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng <u>cổ đông</u> lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 116 LDN 2020.</i>
	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 36 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm <u>đề cử</u> ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng <u>và phải được</u> Đại hội đồng cổ đông <u>thông qua</u> trước khi tiến hành đề cử.	ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty <u>và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát</u> . Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm <u>giới thiệu thêm</u> ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng <u>trước khi</u> Đại hội đồng cổ đông <u>biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật</u> .	
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	Điều 36. Kiểm soát viên	1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên chuyên nghiệp hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</u>	Hủy bỏ.	<i>Chuyển xuống quy định tại Điều 38 dự thảo Điều lệ.</i>
	<u>3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u> <u>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</u>	Hủy bỏ.	<i>Chuyển xuống quy định tại Điều 38 dự thảo Điều lệ.</i>

b) <u>Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</u> c) <u>Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</u>		
<u>5. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> a. <u>Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</u> b. Có trình độ đại học trở lên và có năng lực, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực hoạt động của Công ty. Các Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của <u>Công ty kiểm toán độc lập</u> thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. c. Không phải là <u>vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột</u> của thành viên Hội đồng quản trị,	<u>3. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> a. <u>Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</u> b. Có trình độ đại học trở lên và có năng lực, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực hoạt động của Công ty. Các Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của <u>tổ chức kiểm toán được chấp thuận</u> thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.	<i>Các nội dung tại khoản này được sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 169 LDN 2020, Điểm b khoản 2 Điều 286 NĐ 155/2020/NĐ-CP.</i> <i>LDN không yêu cầu phải có bằng đại học đối với Kiểm soát viên => DN xem xét ghi nhận hoặc hủy bỏ tiêu chuẩn này phù hợp thực tế DN.</i>

	Tổng giám đốc và người quản lý khác; d. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng); ... <u>e. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;</u> Chưa có.	c. Không phải là <u>người có quan hệ gia đình</u> của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác; d. Không phải là người quản lý, <u>điều hành</u> Công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, ...); ... Hủy bỏ. <u>e. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.</u>	
	<u>6. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</u>	Hủy bỏ.	<i>Chuyển xuống quy định tại Điều 41 dự thảo Điều lệ.</i>
Điều 38.	1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường	1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều</i>

Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.	hợp sau đây: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 164</u> của Luật Doanh nghiệp; <u>b. Không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u> <u>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.</u> Chưa có.	trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 điều 37 Điều lệ này Chuyển xuống quy định tại khoản 2 Điều này. <u>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u> <u>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</u>	174 LDN 2020.
	2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; Chưa có.	2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; <u>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ</u>	<i>Chuyển xuống từ điểm a, phù hợp khoản 2 Điều 174 LDN</i>

	b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	trường hợp bất khả kháng; c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;	2020.
	Chưa có	<u>Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát</u> <u>1. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</u> <u>2. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u> <u>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</u> <u>b. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản</u>	Bổ sung phù hợp Điều 38 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.

		<u>tri để trình Đại hội đồng cổ đông:</u> <u>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.</u>	
Điều 39.	<u>Điều 38.</u> Ban kiểm soát	<u>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</u>	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp <u>thường niên Đại hội đồng cổ đông</u>.	1. Quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp <u>Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 170 LDN 2020.</i>

đ. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 3</u> Điều 11 Điều lệ.	e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2</u> Điều 11 Điều lệ.	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 3</u> Điều 11 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo <u>giải trình</u> về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 2</u> Điều 11 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 170 LDN 2020, sửa đổi thứ tự điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.	<i>Không thay đổi nội dung, chỉ thay đổi đánh thứ tự điều khoản để nhất quán về soạn thảo.</i>
g. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại <u>Điều 160</u> của	h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.</i>

Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản <u>với</u> Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	tại <u>Điều 165</u> của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản <u>cho</u> Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	
h. <u>Có quyền</u> tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.	ì. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.	<i>Bỏ cụm từ thừa: “có quyền”.</i>
ị. <u>Có quyền</u> sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.	j. Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.	<i>Bỏ cụm từ thừa: “có quyền”.</i>
j. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	<i>Không thay đổi nội dung, chỉ thay đổi đánh thứ tự điều khoản để nhất quán về soạn thảo.</i>
k. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Chuyển xuống quy định tại điểm s khoản này.	
l. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập</u> thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;	l. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <u>phê duyệt danh sách</u> tổ chức kiểm toán <u>được chấp thuận</u> thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; <u>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 288 ND 155/2020/ND-CP.</i>

		<u>kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</u>	
	n. Giám sát tình hình tài chính công ty, <u>tính hợp pháp</u> trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;	n. Giám sát tình hình tài chính công ty, <u>việc tuân thủ pháp luật</u> trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;	<i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 288 ND 155/2020/ND-CP.</i>
	Chưa có.	<u>p. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 5 Điều 288 ND 155/2020/ND-CP.</i>
	Chưa có.	<u>q. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 288 ND 155/2020/ND-CP.</i>
	Chưa có.	<u>r. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 6 Điều 288 ND 155/2020/ND-CP.</i>

	Chưa có.	<u>s. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 12 Điều 170 LDN 2020.</i>
	2. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.	Chuyển xuống quy định tại Điều 40.	
	3. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. ...	Chuyển xuống quy định tại Điều 41.	
	Chưa có.	<u>Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát</u> 1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. <u>Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các</u>	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 289 ND 155/2020/ND-CP, Điều 40 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>

		<u>biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</u> <u>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</u>	
	Chưa có.	<u>Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</u> <u>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</u> <u>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Điều 41 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC, Điều 172 LDN 2020.</i>

		<u>trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</u> <u>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</u>	
Điều 40.	Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	Điều 43. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	Chưa có. <u>1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi</u>	<u>1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</u> <u>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo;</u> <u>b. Các nghị quyết, quyết định và biên bản</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 171 LDN 2020.</i>

	<u>đến các kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng thành viên hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</u> <u>4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.</u> <u>5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</u>	hợp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; <u>c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành;</u> <u>2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.</u> <u>3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát</u>	
--	---	---	--

		hoặc <u>Kiểm soát viên</u> .	
Điều 41.	Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	Hủy bỏ tiêu đề.	<i>Sửa đổi phù hợp mục X Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành <u>được ủy thác</u> có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	
Điều 42.	<u>Điều 41.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<u>Điều 44.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người <u>điều hành</u> khác <u>không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không</u> được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình <u>để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</u>	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người <u>quản lý</u> khác và những người có liên quan của các thành viên này <u>chỉ</u> được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của <u>Công ty</u> .	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người <u>điều hành</u> khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị <u>tất cả các lợi</u>	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người <u>quản lý</u> khác có nghĩa vụ thông báo <u>bằng văn bản</u> cho	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	<u>ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</u>	<u>Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</u>	
	Chưa có.	<u>3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

3. Công ty <u>không</u> được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, <u>trừ</u> khi Đại hội đồng cổ đông <u>có quyết định khác</u>. <u>Quy định này không bắt buộc đối với Công ty và tổ chức có liên quan đến các thành viên nêu trên là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trường hợp khác theo quy định pháp luật chuyên ngành.</u>	5. Công ty được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người hành khác <u>không phải là cổ đông Công ty</u> và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính khi <u>đã được</u> Đại hội đồng cổ đông <u>chấp thuận</u>. <u>Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan đến các thành viên nêu trên mà tổ chức đó và Công ty là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm a khoản 4 Điều 293 ND 155/2020/NĐ-CP.</i>
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; doanh nghiệp <u>có liên quan đến các đối tượng</u> quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp; một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc,	6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị,	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC; sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.</i>

người điều hành doanh nghiệp hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp <u>hoặc những người có liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan đến lợi ích tài chính sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ nêu trên, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc người điều hành đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</u> a. Đối với những hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó <u>một cách trung thực</u> bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.	<u>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, điều hành doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</u> a. Đối với những hợp đồng, <u>giao dịch</u> có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <u>và hợp đồng, giao dịch đó không dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao</u>	<i>Bổ sung phù hợp Điểm b khoản 4 Điều 293 ND 155/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 167 LDN 2020.</i>
---	--	---

	b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên <u>quan</u> có quyền biểu quyết về vấn đề đó, <u>và</u> những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;	<u>dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.</u> Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan <u>đến các bên trong hợp đồng, giao dịch.</u> b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <u>hoặc hợp đồng, giao dịch đó dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về</u>	<i>Bổ sung phù hợp Điểm b khoản 4 Điều 293 ND 155/2020/NĐ-CP, khoản 4 Điều 167 LDN 2020.</i>
--	---	---	---

	c. <u>Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay các cổ đông thông qua.</u>	hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên <u>quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch</u> có quyền biểu quyết về vấn đề đó <u>và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch; đồng thời, những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</u> Hủy bỏ.	<i>(Lưu ý: Đối với tỷ lệ 20% tại điểm a và b khoản 4 này, DN có thể sửa tỷ lệ là tại điểm a là “nhỏ hơn 35%”, điểm b là “từ 35% trở lên”).</i> <i>Hủy bỏ phù hợp Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 43	<u>Điều 42.</u> Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường	<u>Điều 45.</u> Trách nhiệm về thiệt hại <u>và</u> bồi thường	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC</i>
	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ <u>hành động một cách</u> trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình <u>với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ</u>	1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, thành viên Ban Giám đốc, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, <u>trách nhiệm</u> trung thực <u>và cẩn trọng</u>, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 173 LDN 2020, khoản 1 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	
	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc (Tổng giám đốc)</u>, người điều hành khác, nhân viên hoặc <u>là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện</u> theo ủy quyền của Công ty <u>với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích</u> của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm <u>những</u> trách nhiệm của mình.	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang <u>thực hiện nhiệm vụ</u> theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	<u>theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</u> a) <u>Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</u> b) <u>Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</u>		
	4. Chi phí bồi thường bao gồm <u>các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư)</u>, chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế <u>hoặc được coi là hợp lý</u> khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế <u>(kể cả phí thuê luật sư)</u> khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 44.	<u>Điều 43.</u> Công khai các lợi ích liên quan	<u>Điều 46.</u> Công khai các lợi ích liên quan	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	Việc công khai <u>hóa</u> lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:	Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020, LCK 2019.</i>

	1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại <u>khoản 17 Điều 4</u> của Luật Doanh nghiệp, <u>Khoản 34 Điều 6</u> Luật Chứng khoán và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;	đây: 1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại <u>khoản 23 Điều 4</u> của Luật Doanh nghiệp, <u>Khoản 46 Điều 4</u> Luật Chứng khoán và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;	
	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của <u>họ với Công ty</u>, bao gồm: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty phải kê khai <u>cho Công ty về</u> các lợi ích liên quan của <u>mình</u>, bao gồm: a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ <u>làm chủ hoặc</u> có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm <u>làm chủ</u>, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ <u>làm chủ</u>, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 164 LDN 2020.</i>

		điều lệ.	
	4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai <u>trong giờ làm việc</u>; d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan <u>của công ty và những nội dung khác</u> một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. ...	4. Việc <u>lưu giữ</u>, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền xem xét, trích lục và sao <u>chép</u> một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai; d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem <u>xét</u>, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan <u>và lợi ích có liên quan</u> một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. ...	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 164 LDN 2020.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm c Khoản 4 Điều 164 LDN 2020 => DN vẫn có thể giữ lại nội dung “trong giờ làm việc”.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm d khoản 4 Điều 164 LDN 2020.</i>
Điều 45.	<u>Điều 44.</u> Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp	<u>Điều 47.</u> Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>

		ng nghiệp	
	3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, <u>địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản</u> của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;	3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không <u>lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, tài sản khác</u> của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;	<i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 1 Điều 165 LDN 2020.</i>
	4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về <u>doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.</u>	4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về <u>nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật doanh nghiệp.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp điểm d khoản 1 Điều 165 LDN 2020.</i>
	Chưa có.	<u>6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý, người điều hành khác vi phạm quy định tại Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 165 LDN 2020.</i>
Điều 46.	<u>Điều 45. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc</u>		<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	1. Công ty có quyền trả tiền lương cho Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo kết quả và hiệu		<i>Các nội dung tại điều này được sửa đổi phù hợp Điều 163 LDN</i>

	quả kinh doanh. 2. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây: Tổng Giám đốc được trả tiền lương và tiền thưởng theo quy chế của công ty. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.		2020.
Điều 46.	<u>Điều 46. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc</u> 1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất <u>1%</u> số cổ phần phổ thông <u>liên tục trong thời hạn 6 tháng</u> có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm <u>dân sự</u> đối với thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây: a. Vi phạm <u>nghĩa vụ</u> theo quy định tại <u>Điều 44</u> của Điều lệ công ty; b. <u>Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao</u>, không thực hiện, thực hiện không đầy	<u>Điều 48. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc</u> 1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất <u>01%</u> số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm <u>cá nhân, trách nhiệm liên đới</u> đối với <u>các</u> thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc <u>để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác</u> trong các trường hợp sau đây: a. Vi phạm <u>trách nhiệm của người quản lý Công ty</u> theo quy định tại <u>Điều 46</u> của Điều lệ công ty; b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời <u>hoặc thực hiện trái với</u>	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i> <i>Các nội dung tại điều này được sửa đổi phù hợp Điều 166 LDN 2020.</i>

	đồng khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp <u>thành viên khởi kiện</u> bị bác yêu cầu <u>đơn</u> kiện. Chưa có.	nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ <u>được</u> tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu <u>khởi</u> kiện. 3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.	
Điều 47.	<u>Điều 47.</u> Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	<u>Điều 49.</u> Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	1. Cổ đông <u>hoặc nhóm cổ đông</u> đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, <u>gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra</u> danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các <u>hồ sơ</u> đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	1. Cổ đông <u>phổ thông</u> có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền <u>xem xét, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông</u> trong danh sách cổ đông <u>có quyền biểu quyết</u>; yêu cầu sửa đổi các <u>thông tin không chính xác của mình</u>; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, các biên bản họp, <u>nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 141 LDN 2020, điểm a khoản 1 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC..</i>

		quyền này.	
	Chưa có.	<u>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng/giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 2 Điều 115 LDN 2020, khoản 1, 2 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<u>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành</u> và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, ...	<u>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, ...</u>	<i>Sửa đổi chức danh phù hợp thực tế doanh nghiệp.</i>
	<u>4. Cổ đông có quyền được công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên website của công ty.</u>	<u>5. Điều lệ này phải được công bố trên website của công ty.</u>	Doanh nghiệp xem xét giữ hay bỏ nội dung gạch chân phù hợp với khả năng thực hiện trên thực

			tế của DN nhé.
		Điều 50. Tổ chức chính trị, chính trị - xã hội. Điều 51. Công nhân viên và công đoàn.	
Chương XIII	CHƯƠNG <u>X + III</u> PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	CHƯƠNG <u>XIII</u> PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	<i>Sửa đổi lỗi soạn thảo.</i>
Điều 50.	<u>Điều 50.</u> Phân phối lợi nhuận	<u>Điều 52.</u> Phân phối lợi nhuận	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	4. Hội đồng quản trị có thể <u>đề</u> nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.	4. Hội đồng quản trị có thể <u>kiến</u> nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 51 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty	5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về <u>tài khoản</u> ngân hàng do cổ đông cung cấp <u>hoặc theo các phương thức thanh toán khác theo quy định của pháp luật</u> . Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 135 LDN 2020 và LCK 2019.</i>

	chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (<u>Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</u>).	
	6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, <u>lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận</u> cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, <u>quyết định</u> xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức <u>bằng tiền mặt hoặc bằng</u> cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 51 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 51.	<u>Điều 51.</u> Tài khoản ngân hàng 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các <u>ngân hàng</u> nước ngoài được	<u>Điều 53.</u> Tài khoản ngân hàng 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các <u>chi nhánh</u> ngân hàng	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 52 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	phép hoạt động tại Việt Nam.	nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	
Điều 54.	<u>Điều 54.</u> Chế độ kế toán	<u>Điều 56.</u> Chế độ kế toán	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là <u>Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS)</u> hoặc chế độ kế toán khác được <u>Bộ Tài chính</u> chấp thuận.	1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là <u>chế độ kế toán doanh nghiệp</u> hoặc chế độ kế toán <u>đặc thù</u> được <u>cơ quan có thẩm quyền ban hành</u> , chấp thuận.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 54 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo <u>loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia</u> . Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo <u>quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan</u> . Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	
	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (<u>hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận</u>) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. <u>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</u>	
Điều 56.	<u>Điều 56.</u> Trình báo cáo hàng năm	<u>Điều 58.</u> Trình báo cáo hàng năm	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù</i>

			<i>hợp dự thảo Điều lệ.</i>
1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây: ...	1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây: ...		<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 175 LDN 2020.</i>
Chưa có.	d. <u>Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.</u>		
2. Các báo cáo <u>và tài liệu</u> quy định tại khoản 1 điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp <u>thường niên</u> của Đại hội đồng cổ đông.	2. Các báo cáo quy định tại <u>điểm a, b, c</u> khoản 1 điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> .		
3. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải <u>có ở</u> trụ sở chính chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp <u>thường niên</u> của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư <u>hoặc</u> kế toán <u>và</u> kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét <u>các</u> báo cáo quy định tại Điều này <u>trong thời gian hợp lý</u> .	3. <u>Báo cáo quy định tại khoản 1, 2 Điều này,</u> báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải <u>lưu giữ tại</u> trụ sở chính chậm nhất <u>là</u> 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> . Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.		

Điều 57.	<u>Điều 57. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý</u>	<u>Điều 59. Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý</u>	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ; sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 54 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định <u>trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính</u> , Công ty <u>nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh.</u>	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định <u>pháp luật</u> . Công ty <u>công bố báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Báo cáo tài chính năm phải <u>bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</u>	2. Báo cáo tài chính năm phải <u>đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định <u>của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan</u>	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo <u>tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

	<u>và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</u>	<u>công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u>	
	4. <u>Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</u>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 58.	<u>Điều 58.</u> Công bố thông tin định kỳ	<u>Điều 60.</u> Công bố thông tin định kỳ	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	Báo cáo tài chính năm: a. Công ty phải công bố thông tin báo cáo tài chính năm (hoặc báo cáo tài chính hợp nhất nếu có) đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Báo cáo tài chính năm: a. Công ty phải công bố thông tin báo cáo tài chính năm (hoặc báo cáo tài chính hợp nhất và/hoặc báo cáo tài chính tổng hợp nếu có) đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	<i>Bổ sung phù hợp điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC.</i>
	2. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:	2. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1 Điều này, <u>trường hợp Công ty đã niêm yết cổ phiếu hoặc trở thành công ty đại chúng quy mô lớn</u> , Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 14 TT 96/2020/TT-BTC.</i>

	a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ <u>công bố</u> thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; <u>hoặc</u> chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c. <u>Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;</u> d. <u>Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.</u>	a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ <u>báo cáo</u> thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở <u>báo cáo cùng kỳ năm</u> trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; Hủy bỏ. c. <u>Lợi nhuận sau thuế</u> trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, <u>chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</u>	
--	---	---	--

	Báo cáo thường niên: Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo Phụ lục IV - <u>Thông tư 155/2015/TT-BTC</u> trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá <u>120 ngày</u>, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.	3. Báo cáo thường niên: Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo Phụ lục IV - <u>Thông tư 96/2020/TT-BTC</u> trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá <u>110 ngày</u>, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm <u>đã</u> được kiểm toán.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 10 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
	4. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông: <u>Trong thời hạn 10 ngày</u> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin định kỳ về nội dung cuộc họp và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Công ty phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường (kể cả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), bao gồm: thông báo mời họp, <u>mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp</u>, chương trình họp, phiếu lấy ý kiến, phiếu biểu quyết, <u>danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị</u>; các tài liệu <u>tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và</u>	4. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông: <u>Tối thiểu 21 ngày</u> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố thông tin định kỳ về nội dung cuộc họp và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Công ty phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường (kể cả lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu lấy ý kiến, phiếu biểu quyết, các tài liệu <u>sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết</u> đối với từng vấn đề trong chương trình họp. <u>Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm a khoản 3 Điều 10 TT 96/2020/TT-BTC.</i>

	dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	<u>các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có):</u>	
	5. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, báo cáo sử dụng vốn và tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có). Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, báo cáo sử dụng vốn và tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.	5. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, <u>phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch; báo cáo sử dụng vốn; mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; và tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có).</u> Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán; <u>phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch; báo cáo sử dụng vốn; mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; và tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Điều 13 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>6. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.</u>	<i>Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 10 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
Điều 59.	<u>Điều 59.</u> Công bố thông tin bất thường	<u>Điều 61.</u> Công bố thông tin bất thường	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau	1. Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các	

	đây: a. Tài khoản của công ty tại ngân hàng <u>bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa</u>; b. <u>Tạm</u> ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; <u>bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hoặc khi nhân được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung</u>; c. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm trường hợp lấy ý kiến cổ đông	sự kiện sau đây: a. Tài khoản của công ty tại ngân hàng, <u>chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này</u>; b. <u>Khi nhân được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm</u> ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; <u>thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động</u>; c. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>bất thường</u> (bao gồm trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);	<i>Sửa đổi phù hợp Điểm a khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm d khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
--	---	---	---

	bằng văn bản); d. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ và các quyết định liên quan đến việc chào bán_chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp; đ. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi; e. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, <u>phòng giao dịch</u>; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh <u>hàng năm</u> của công ty; g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); <u>kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu</u>	d. Quyết định mua <u>lại cổ phiếu của Công ty</u> hoặc bán cổ phiếu quỹ và các quyết định liên quan đến việc chào bán, <u>phát hành</u> chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp; e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi; f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể, <u>phá sản</u> doanh nghiệp; thay đổi <u>mã số thuế</u>, tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, <u>nhà máy, văn phòng đại diện</u>; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh <u>hàng năm</u> của Công ty; g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); <u>thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán</u>	<i>Sửa đổi phù hợp điểm e khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm g khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm h khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
--	--	--	---

<u>có); ý kiến không phải chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;</u> h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, <u>công ty liên doanh</u>, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, <u>công ty liên doanh</u>, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, <u>công ty liên doanh</u>, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, <u>công ty liên doanh</u>, công ty liên kết; <u>đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;</u> i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ <u>hoặc người có liên quan;</u> <u>k. Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;</u> <u>l. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành trong các trường hợp: phát</u>	<u>báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;</u> h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm <u>tỷ lệ</u> sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết; i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, <u>người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;</u> Hủy bỏ.	<i>Sửa đổi phù hợp điểm j khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm k khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm l khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
--	--	---

	hành thêm cổ phiếu, <u>giao dịch cổ phiếu quỹ, mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua Công ty chứng khoán và mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên (nếu có);</u> <u>m. Khi Công ty có sự thay đổi người nội bộ (bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm). Báo cáo theo Phụ lục số 03- Thông tư 155/2015/TT-BTC trong vòng 03 ngày kể từ ngày thay đổi;</u> Chưa có. <u>n. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án</u>	<u>j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết trong các trường hợp: phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông và mua lại cổ phiếu của người lao động (nếu có);</u> <u>k. Khi Công ty có sự thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhân được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Báo cáo theo Phụ lục số III- Thông tư 96/2020/TT-BTC;</u> <u>l. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;</u> <u>m. Khi nhận được bản án, quyết định đã có</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm m khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i> <i>Sửa đổi phù hợp điểm n, o khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
--	--	---	--

	liên quan đến hoạt động của công ty; <u>kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế hoặc quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;</u> <u>o. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;</u> Chưa có n - p.	<u>hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế hoặc quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;</u> Hủy bỏ. <u>n. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;</u> <u>o. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm p. q. s khoản 1 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
--	---	--	---

	p. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	<u>p. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài;</u> q. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.	
	3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. Công ty <u>báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, UBCKNN và SGDCK trong thời hạn chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u>	3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. a. Công ty <u>công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.</u> b. Công ty <u>công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</u>	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
	4. Công bố vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i>

	nhất được soát xét.		
	Chưa có.	4. <u>Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
	5. Công bố quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của công ty tính tại báo	5. <u>Trường hợp Công ty đã niêm yết cổ phiếu hoặc trở thành công ty đại chúng quy mô lớn, Công bố quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 15 TT 96/2020/TT-BTC.</i>

	<u>cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.</u>	<u>me</u>); quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	
	6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như thay đổi kỳ kế toán, <u>khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp</u> . Công ty phải công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định pháp luật.	6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như thay đổi kỳ kế toán, Công ty phải công bố thông tin báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định pháp luật.	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	<u>7. Công bố thông tin trong các trường hợp khác theo quy định pháp luật.</u>	<i>Bổ sung phù hợp TT 96/2020/TT-BTC.</i>
Điều 60.	<u>Điều 60.</u> Công bố thông tin theo yêu cầu	<u>Điều 62.</u> Công bố thông tin theo yêu cầu	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong <u>vòng 24</u> giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch: a. <u>Khi xảy ra</u> sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong <u>thời hạn 24</u> giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch <u>khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây</u> : a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 12 TT 96/2020/TT-BTC.</i>
Điều 61.	<u>Điều 61.</u> Kiểm toán	<u>Điều 63.</u> Kiểm toán	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù</i>

			<i>hợp dự thảo Điều lệ.</i>
1. Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. <u>Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u>	1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 57 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>	
2. <u>Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u>	Hủy bỏ.		
3. <u>Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</u>	2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.		
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được <u>phép</u> tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông	3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán <u>báo cáo tài chính</u> của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin		

	mà các cổ đông được quyền nhân và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	
Điều 63.	<u>Điều 63.</u> Con dấu	<u>Điều 65.</u> Con dấu	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	Chưa có. 1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty. <u>Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</u> a. <u>Tên doanh nghiệp;</u> b. <u>Mã số doanh nghiệp.</u> 2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. <u>Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u> 2. Hội đồng quản trị quyết định về <u>loại dấu</u>, hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty, <u>chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty.</u> 3. <u>Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy chế do doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của doanh nghiệp có dấu ban hành và quy định của pháp luật hiện hành.</u>	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 43 LDN 2020, khoản 2 Điều 58 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 64.	<u>Điều 64.</u> Chấm dứt hoạt động	<u>Điều 66.</u> Giải thể Công ty	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù</i>

			<i>hợp dự thảo Điều lệ, Điều 59 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Công ty có thể bị giải thể <u>hoặc chấm dứt hoạt động</u> trong những trường hợp sau: a. <u>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u> b. <u>Giải thể trước thời hạn</u> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: Hủy bỏ. a. Theo <u>nghị quyết</u>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, <u>trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</u> c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 59 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 65.	<u>Điều 65.</u> Thanh lý tài sản Công ty	<u>Điều 67.</u> Thanh lý tài sản Công ty	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	1. <u>Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc</u> sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị	1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. ...	<i>Sửa đổi phù hợp thời hạn hoạt động của Công ty (vô thời hạn).</i>

	phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. ...		
	3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc, chi phí bảo hiểm và các quyền lợi khác cho <u>công nhân viên</u> theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; <u>đ.</u> Các khoản nợ khác của Công ty; <u>e.</u> Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (<u>đ</u>) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc, chi phí bảo hiểm và các quyền lợi khác cho <u>người lao động</u> theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; <u>e.</u> Các khoản nợ khác của Công ty; <u>f.</u> Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (<u>e</u>) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	<i>Không thay đổi nội dung, chỉ thay đổi cách đánh số thứ tự điều khoản để nhất quán về soạn thảo.</i>
Điều 66.	<u>Điều 66.</u> Giải quyết tranh chấp nội bộ	<u>Điều 68.</u> Giải quyết tranh chấp nội bộ	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, <u>các quy định</u> giữa:	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty <u>hoặc thỏa thuận</u> giữa:	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 62 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải	2. Trường hợp không đạt được quyết định	

	trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài <u>kinh tế</u> hoặc Tòa án <u>kinh tế</u> .	hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.	
Điều 68.	<u>Điều 68.</u> Ngày hiệu lực	<u>Điều 70.</u> Ngày hiệu lực	<i>Sửa đổi thứ tự điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	1. Bản Điều lệ này gồm 22 chương, <u>68</u> điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình cầu phà TP. Hồ Chí Minh nhất trí thông qua <u>ngày 24 tháng 4 năm 2019</u> thay thế cho bản Điều lệ trước đây đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <u>2018</u> thông qua vào <u>ngày 26 tháng 4 năm 2018</u> và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.	1. Bản Điều lệ này gồm 22 chương, <u>70</u> điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình cầu phà TP. Hồ Chí Minh nhất trí thông qua <u>ngày ... tháng ... năm 2021</u> thay thế cho bản Điều lệ trước đây đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm <u>2019</u> thông qua vào <u>ngày 24 tháng 4 năm 2019</u> và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.	<i>Sửa đổi phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>

Trong Điều lệ này:

- 1. Các số thứ tự điều khoản, tham chiếu điều khoản, số lượng điều khoản sẽ tự động được cập nhật sau khi nội dung dự thảo Điều lệ được thông qua;*
- 2. Các sai sót về tham chiếu, đánh số thứ tự điều khoản của Điều lệ hiện hành (nếu có) sẽ được tự động cập nhật lại sau khi dự thảo Điều lệ được thông qua mà không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp;*

3. Ngoài các điều khoản thay đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty đã tổng hợp nêu trên để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua và các nội dung sửa đổi tại toàn văn dự thảo Điều lệ (mà chưa được đề cập), các điều khoản khác không được đề cập và không thuộc trường hợp nêu tại mục 1, 2 sẽ giữ nguyên không thay đổi.